ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc
Số: 38/2016/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu học phí đối với các cơ sở đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, cụ thể như sau:

1. Mức thu học phí: chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Thu, quản lý và sử dụng học phí:

a) Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh, sinh viên tự nguyện thì nhà trường có thể thu một lần cho một học kỳ hoặc cả năm học. Đối với sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên, học phí thu theo số tháng thực học. Đối với

trung cấp, cao đẳng nghề, học phí thu 10 tháng/năm. Biên lai thu học phí theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Học phí được sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Toàn bộ học phí thu được phải gửi vào Kho bạc Nhà nước.

d) Thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý dạy nghề có thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

đ) Thu, chi học phí phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2016.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-NSương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc

PHỤ LỤC

MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP TỪ NĂM HỌC 2016-2017 ĐẾN NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/sinh viên.

TT	ĐƠN VỊ/ NGÀNH HỌC	Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
		Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng
1	**Trường Cao đẳng Y tế**										
	- Hệ chính quy	620	700	680	780	750	860	830	940	910	1.040
	- Hệ vừa học vừa làm	500	560	550	620	600	690	670	750	730	830
2	**Trường Cao đẳng Cộng đồng**										
	1. KHXH, kế toán, quản trị kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật, … Dịch vụ thú y	430	490	470	540	520	590	570	650	620	710
	2. KHTN, công nghệ thực phẩm, công nghệ thông tin, chế biến…	500	580	550	630	610	700	670	770	740	850
3	**Trường Cao đẳng Nghề; các Trường trung cấp Nghề và các Trung tâm Dạy nghề**										
	1. KHXH, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	150	230	170	250	190	280	210	310	230	340
	2. KHTN, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	250	350	280	390	310	430	340	470	370	520
	3. Thú y	230	320	250	350	280	390	310	430	340	470